**PHỤ LỤC I.**

**BẢNG CHI TIẾT NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP THẨM ĐỊNH GIÁ***(Kèm theo Thông tư số 38/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Điểm số** |
| **I. Duy trì điều kiện hoạt động thẩm định giá** | **Tối đa 25 điểm** |
| *1.1. Bảo đảm và duy trì điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá* | *Tối đa 5 điểm* |
| - Trường hợp có thời gian không bảo đảm duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá từ 3 tháng liên tục trở lên | 0 điểm |
| - Trường hợp có thời gian không bảo đảm duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá dưới 3 tháng liên tục | 2 điểm |
| - Trường hợp luôn bảo đảm và duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá | 5 điểm |
| *1.2. Số lượng thẩm định viên về giá* | *Tối đa 5 điểm* |
| - Số lượng thẩm định viên về giá tính trung bình trong thời kỳ đánh giá từ 5 đến dưới 7 thẩm định viên về giá | 2 điểm |
| - Số lượng thẩm định viên về giá tính trung bình trong thời kỳ đánh giá từ 7 đến 10 thẩm định viên về giá | 3 điểm |
| - Số lượng thẩm định viên về giá hành nghề tính trung bình trong thời kỳ đánh giá từ 11 đến 15 thẩm định viên về giá | 4 điểm |
| - Số lượng thẩm định viên về giá hành nghề tính trung bình trong thời kỳ đánh giá trên 15 thẩm định viên về giá | 5 điểm |
| *1.3. Số lượng chứng thư thẩm định giá* | *Tối đa 2,5 điểm* |
| - Phát hành dưới 500 chứng thư thẩm định giá trong thời kỳ đánh giá | 1 điểm |
| - Phát hành từ 500 đến dưới 1000 chứng thư thẩm định giá trong thời kỳ đánh giá | 1,5 điểm |
| - Phát hành từ 1000 chứng thư thẩm định giá đến dưới 5000 chứng thư thẩm định giá trong thời kỳ đánh giá | 2 điểm |
| - Phát hành từ 5000 chứng thư thẩm định giá trở lên trong thời kỳ đánh giá | 2,5 điểm |
| *1.4. Doanh thu cung cấp dịch vụ thẩm định giá* | *Tối đa 2,5 điểm* |
| - Dưới 5 tỷ đồng trong thời kỳ đánh giá | 1 điểm |
| - Từ 5 tỷ đồng đến dưới 15 tỷ đồng trong thời kỳ đánh giá | 1,5 điểm |
| - Từ 15 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng trong thời kỳ đánh giá | 2 điểm |
| - Trên 30 tỷ đồng trong thời kỳ đánh giá | 2,5 điểm |
| *1.5. Số lượng chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá* | *Tối đa 5 điểm* |
| - Duy trì 01 chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá trong thời kỳ đánh giá | 2 điểm |
| - Duy trì từ 2 đến 3 chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá trong thời kỳ đánh giá | 3 điểm |
| - Duy trì từ 4 đến 5 chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá trong thời kỳ đánh giá | 4 điểm |
| - Duy trì từ 6 chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá trở lên trong thời kỳ đánh giá | 5 điểm |
| *1.6. Cung cấp dịch vụ thẩm định giá* | *Tối đa 5 điểm* |
| - 01 lĩnh vực (thẩm định giá tài sản) | 3 điểm |
| - Cả 02 lĩnh vực (thẩm định giá tài sản và thẩm định giá doanh nghiệp) | 5 điểm |
| **II. Chấp hành quy định của pháp luật về thẩm định giá và tuân thủ nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá** | **Tối đa 50 điểm** |
| *2.1. Chấp hành quy định về báo cáo thường xuyên, đột xuất trong thời kỳ đánh giá* | *Tối đa 5 điểm* |
| - Báo cáo thường xuyên đúng hạn | 4 điểm |
| - Báo cáo đột xuất đầy đủ (trường hợp trong kỳ đánh giá, doanh nghiệp không được yêu cầu báo cáo đột xuất thì được chấm 1 điểm) | 1 điểm |
| *2.2. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thẩm định giá* | ***Tối đa 30 điểm*** |
| - Nếu vi phạm hành chính về thẩm định giá (bao gồm cả vi phạm hành chính của doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp trừ các trường hợp sau: vi phạm quy định tại điểm 2.1, đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; có thẩm định viên bị tước thẻ thẩm định viên về giá): trừ 10 điểm nếu vi phạm 1 lần, tối đa trừ hết số điểm tại mục 2.2 |
| - Nếu bị xử lý vi phạm hành chính kèm theo hình thức đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá bị trừ hết số điểm tại mục 2.2 |
| - Nếu bị xử lý vi phạm hành chính kèm theo hình thức tước thẻ thẩm định viên về giá đối với từ 01 thẩm định viên về giá trở lên bị trừ hết số điểm tại mục 2.2 |
| *2.3. Không có đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh của tổ chức/cá nhân đối với chứng thư thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá phát hành gửi về Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá); không có phản ánh/kiến nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến lỗi của thẩm định viên về giá hoặc doanh nghiệp thẩm định giá* | *Tối đa 15 điểm* |
| - Nếu có đơn khiếu nại, tố cáo của tổ chức/cá nhân đối với chứng thư thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá hoặc có phản ánh/kiến nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến lỗi của thẩm định viên về giá hoặc doanh nghiệp thẩm định giá thì mỗi vụ việc bị trừ 1 điểm, tối đa trừ hết số điểm tại mục 2.3.- Nếu có đơn phản ánh về việc doanh nghiệp thẩm định giá không thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật do vi phạm những thỏa thuận trong hợp đồng thẩm định giá hoặc trong trường hợp hoạt động thẩm định giá gây thiệt hại đến lợi ích của cơ quan, tổ chức, cá nhân do không tuân thủ các quy định về thẩm định giá thì mỗi vụ việc bị trừ 1 điểm, tối đa trừ hết số điểm tại mục 2.3. |
| **III. Tham gia phối hợp thực hiện các hoạt động xây dựng và tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo, tổ chức** | **Tối đa 10 điểm** |
| *3.1. Tham gia ý kiến bằng văn bản đối với văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá do Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) chủ trì soạn thảo trong thời kỳ đánh giá* | *Tối đa 5 điểm* |
| Trường hợp trong thời kỳ đánh giá, Bộ Tài chính có lấy ý kiến tham gia của các doanh nghiệp thẩm định giá |  |
| - Tham gia dưới 30% số lượng văn bản | 2 điểm |
| - Tham gia từ 30% đến dưới 50% số lượng văn bản | 3 điểm |
| - Tham gia đúng hạn từ 50% đến dưới 80% số lượng văn bản hoặc tham gia từ 80% số lượng văn bản nhưng không đúng hạn | 4 điểm |
| - Tham gia đúng hạn từ 80% số lượng văn bản | 5 điểm |
| Trường hợp trong thời kỳ đánh giá, Bộ Tài chính không lấy ý kiến tham gia của các doanh nghiệp thẩm định giá | 5 điểm |
| *3.2. Có thẩm định viên về giá là người đại diện theo pháp luật tham dự Hội nghị thường niên giám đốc thẩm định giá* | *2,5 điểm* |
| Trường hợp trong thời kỳ đánh giá, Bộ Tài chính không tổ chức Hội nghị thường niên giám đốc thẩm định giá | *2,5 điểm* |
| *3.3. Tham dự các hội nghị tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá do Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) tổ chức trong thời kỳ đánh giá* | *Tối đa 2,5 điểm* |
| Trường hợp trong thời kỳ đánh giá, Bộ Tài chính có tổ chức hội nghị |  |
| - Có thẩm định viên về giá là người đại diện theo pháp luật tham gia nhưng dưới 30% số lượng hội nghị | 1 điểm |
| - Có thẩm định viên về giá là người đại diện theo pháp luật tham gia từ 30% đến dưới 50% số lượng hội nghị | 1,5 điểm |
| - Có thẩm định viên về giá là người đại diện theo pháp luật tham gia từ 50% đến dưới 80% số lượng hội nghị | 2 điểm |
| - Có thẩm định viên về giá là người đại diện theo pháp luật tham gia trên 80% số lượng hội nghị | 2,5 điểm |
| Trường hợp trong thời kỳ đánh giá, Bộ Tài chính không tổ chức hội nghị | 2,5 điểm |
| **IV. Tham gia phối hợp thực hiện hợp tác quốc tế** | **Tối đa 5 điểm** |
| - Có thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp tham dự Hội nghị do Hiệp hội các nhà thẩm định viên về giá ASEAN (AVA) tổ chức | 1,5 điểm/mỗi thẩm địnhviên tham gia, tối đa 3 điểm |
| - Có thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp tham dự Hội nghị do Hội đồng tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế (IVSC) tổ chức | 2 điểm |
| **V. Tham gia phối hợp thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của Bộ, ngành, địa phương** | **Tối đa 5 điểm** |
| Có tham gia tư vấn hỗ trợ hoạt động định giá của Nhà nước, thẩm định giá của Nhà nước, định giá trong tố tụng hình sự | Mỗi cuộc tư vấn được cộng 1 điểm, tối đa 5 điểm |
| **VI. Tham gia phối hợp hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thẩm định giá** | ***Tối đa 5 điểm*** |
| Thẩm định viên về giá là đại diện pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá có bài báo, nghiên cứu khoa học về thẩm định giá đã được đăng tải: | Tối đa 5 điểm |
| 6.1. Trên các tạp chí có chuyên mục thẩm định giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép | 0,5 điểm/bài, tối đa 2 điểm |
| 6.2. Trên các tạp chí thuộc danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành kinh tế theo quy định của pháp luật | 1 điểm/bài |
| **Tổng cộng** | **100 điểm** |